

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính 1		
Mã học phần:	71ACCT30093	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30093_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

SV chỉ được tham khảo tài liệu giấy

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các nguyên tắc kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán các khoản mục tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, khoản phải trả, vốn chủ sở hữu để tính giá các đối tượng kế toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO1/ PI1.1
CLO2	Vận dụng các quy định của Chế độ kế toán để trình bày các chỉ tiêu liên quan trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO2/ PI2.1
CLO3	Thực hiện việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, phải thu, hàng tồn kho, khoản phải trả, tài sản cố định, vốn chủ sở hữu.	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO8/ PI8.1
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/ PI9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)

Câu 1a-CLO1[Dự phòng]:

Ngày 1/10/N, công ty mua 200kg nguyên vật liệu với giá mua chưa thuế 50.000 đồng/kg, thuế GTGT được khấu trừ 10%, tiền hàng chưa thanh toán. Sau khi kiểm nhận, công ty phát hiện thiếu 30 kg nguyên vật liệu chưa rõ nguyên nhân và đã tiến hành nhập kho theo số thực nhận.

Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 152	8.500.000	
Nợ TK 1381	1.500.000	
Nợ TK 1331	1.000.000	
Có TK 331		11.000.000

B. Nợ TK 152	8.500.000	
Nợ TK 1381	1.500.000	
Nợ TK 1331	850.000	
Có TK 331		10.850.000

C. Nợ TK 152	10.000.000	
Nợ TK 1381	1.500.000	
Nợ TK 1331	1.000.000	
Có TK 331		12.500.000

D. Nợ TK 152	10.000.000	
Nợ TK 1381	1.500.000	
Nợ TK 1331	1.150.000	
Có TK 331		12.650.000

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1[Dự phòng]:

Ngày 1/10/N, công ty mua 200kg nguyên vật liệu với giá mua chưa thuế 50.000 đồng/kg, thuế GTGT được khấu trừ 10%, tiền hàng chưa thanh toán. Sau khi kiểm nhận, công ty phát hiện thừa 30 kg nguyên vật liệu chưa rõ nguyên nhân và đã tiến hành nhập kho theo số thực nhận.

Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 152	11.500.000	
Nợ TK 1331	1.000.000	
Có TK 331		11.000.000
Có TK 3381		1.500.000

B. Nợ TK 152	11.500.000	
Nợ TK 1331	1.150.000	
Có TK 331		11.150.000

	Có TK 3381	1.500.000
C.	Nợ TK 152	11.500.000
	Nợ TK 1331	1.150.000
	Có TK 331	11.000.000
	Có TK 3381	1.650.000
D.	Nợ TK 152	11.500.000
	Nợ TK 1331	1.000.000
	Có TK 331	10.850.000
	Có TK 3381	1.650.000

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 2)

Câu 2a-CLO1[Dự phòng]

Ngày 21/7/N, công ty mua xe Toyota để đưa đón ban giám đốc có thời gian sử dụng dự kiến 10 năm với giá mua chưa thuế GTGT là 900.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 10%, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán tiến hành định khoản:

A.	Nợ TK 2113	900.000.000
	Nợ TK 1332	90.000.000
	Có TK 112	990.000.000
B.	Nợ TK 642	900.000.000
	Nợ TK 1332	90.000.000
	Có TK 112	990.000.000
C.	Nợ TK 242	900.000.000
	Nợ TK 1332	90.000.000
	Có TK 112	990.000.000
D.	Nợ TK 2411	900.000.000
	Nợ TK 1332	90.000.000
	Có TK 112	990.000.000

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1[Dự phòng]

Ngày 21/7/N, công ty mua xe tải dùng để giao hàng có thời gian sử dụng dự kiến 10 năm với giá mua chưa thuế GTGT là 500.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 10%, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán tiến hành định khoản:

A.	Nợ TK 2113	500.000.000
	Nợ TK 1332	50.000.000

	Có TK 112	550.000.000
B.	Nợ TK 641	500.000.000
	Nợ TK 1332	50.000.000
	Có TK 112	550.000.000
C.	Nợ TK 242	500.000.000
	Nợ TK 1332	50.000.000
	Có TK 112	550.000.000
D.	Nợ TK 2411	500.000.000
	Nợ TK 1332	50.000.000
	Có TK 112	550.000.000

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)

Câu 3a-CLO1[Dự phòng]

Ngày 10/7/N, kế toán lập ủy nhiệm chi 100.000.000 đồng để thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ từ tháng trước, đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng. Kế toán định khoản:

A.	Nợ TK 331	100.000.000
	Có TK 112	100.000.000
B.	Nợ TK 1561	100.000.000
	Có TK 112	100.000.000
C.	Nợ TK 112	100.000.000
	Có TK 131	100.000.000
D.	Nợ TK 112	100.000.000
	Có TK 5111	20.000.000

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1[Dự phòng]

Ngày 10/7/N, nhận được giấy báo Có với nội dung khách hàng chuyển khoản 100.000.000 đồng để thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ từ tháng trước. Kế toán định khoản:

A.	Nợ TK 112	100.000.000
	Có TK 131	100.000.000
B.	Nợ TK 1561	100.000.000
	Có TK 112	100.000.000
C.	Nợ TK 331	100.000.000
	Có TK 112	100.000.000
D.	Nợ TK 112	100.000.000

Có TK 5111 20.000.000

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 2)**Câu 4a-CLO1[Dự phòng]**

Thông tin về một tài sản cố định tại doanh nghiệp X như sau: thiết bị sản xuất có thời gian sử dụng hữu ích 10 năm, nguyên giá 600.000.000 đồng, đã sử dụng được 5 năm 3 tháng. Giá trị còn lại của thiết bị trên theo phương pháp đường thẳng là:

- A. 285.000.000 đồng
- B. 600.000.000 đồng
- C. 315.000.000 đồng
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1[Dự phòng]

Thông tin về một tài sản cố định tại doanh nghiệp X như sau: thiết bị sản xuất có thời gian sử dụng hữu ích 10 năm, nguyên giá 600.000.000 đồng, đã sử dụng được 8 năm 5 tháng. Giá trị còn lại của thiết bị trên theo phương pháp đường thẳng là:

- A. 95.000.000 đồng
- B. 505.000.000 đồng
- C. 600.000.000 đồng
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)**Câu 5a-CLO2[Dự phòng]**

Tại ngày 31/12/N, số dư của các tài khoản liên quan đến hàng tồn kho sau khi khóa sổ như sau: TK 152: 20.000.000 đồng; TK 153: 15.000.000 đồng; TK 156: 100.000.000 đồng và TK 2294: 30.000.000 đồng. Thông tin này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 135.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (30.000.000)
- B. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 135.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 30.000.000
- C. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 105.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (30.000.000)

D. Chi tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 105.000.000; chi tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 30.000.000

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2[Dự phòng]

Tại ngày 31/12/N, số dư của các tài khoản liên quan đến hàng tồn kho sau khi khóa sổ như sau: TK 152: 15.000.000 đồng; TK 153: 45.000.000 đồng; TK 156: 200.000.000 đồng và TK 2294: 60.000.000 đồng. Thông tin này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

A. Chi tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 260.000.000; chi tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (60.000.000)

B. Chi tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 260.000.000; chi tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 60.000.000

C. Chi tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 200.000.000; chi tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (60.000.000)

D. Chi tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương 200.000.000; chi tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 60.000.000

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2[Dự phòng]

Phần chiết khấu doanh nghiệp được hưởng do thanh toán tiền hàng sớm sẽ được trình bày như thế nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

A. Chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính”, mã số 21, số tiền được ghi số dương

B. Chỉ tiêu “Chi phí tài chính”, mã số 22, số tiền được ghi số dương

C. Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu”, mã số 02, số tiền được ghi số dương

D. Chỉ tiêu “Thu nhập khác”, mã số 31, số tiền được ghi số dương

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[Dự phòng]

Phần chiết khấu doanh nghiệp cho khách hàng được hưởng do thanh toán tiền hàng sớm sẽ được trình bày như thế nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

A. Chỉ tiêu “Chi phí tài chính”, mã số 22, số tiền được ghi số dương

B. Chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính”, mã số 21, số tiền được ghi số dương

C. Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu”, mã số 02, số tiền được ghi số dương

D. Chỉ tiêu “Thu nhập khác”, mã số 31, số tiền được ghi số dương

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)**Câu 7a-CLO5 [dự phòng]**

Theo qui định hiện hành, kế toán sẽ lập “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” của một loại hàng hóa khi:

- A. Giá gốc 50.000.000 đồng, giá trị thuần có thể thực hiện được $< 50.000.000$ đồng
- B. Giá gốc 50.000.000 đồng, giá trị thuần có thể thực hiện được $> 50.000.000$ đồng
- C. Giá gốc 50.000.000 đồng, giá trị thuần có thể thực hiện được $\geq 50.000.000$ đồng
- D. Giá gốc 50.000.000 đồng, giá trị thuần có thể thực hiện được $\leq 50.000.000$ đồng

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5 [dự phòng]

Kế toán lập “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” nhằm tuân thủ nguyên tắc nào trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01?

- A. Nguyên tắc thận trọng
- B. Nguyên tắc phù hợp
- C. Nguyên tắc nhất quán
- D. Nguyên tắc giá gốc

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)**Câu 8a-CLO5 [Dự phòng]**

Theo qui định hiện hành, giá gốc của hàng hóa sẽ không bao gồm:

- A. Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- B. Giá mua
- C. Chi phí vận chuyển
- D. Thuế nhập khẩu

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5 [Dự phòng]

Theo qui định hiện hành, nguyên giá của tài sản cố định sẽ không bao gồm:

- A. Lãi trả góp
- B. Giá mua
- C. Chi phí vận chuyển
- D. Lệ phí trước bạ

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (6.0 điểm)

Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty TNHH Huê Phong như sau:

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/2023:

<i>Tài khoản</i>	<i>Số dư (đồng)</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>
TK 156	320.000.000	800 đơn vị hàng A với đơn giá 400.000 đồng/đơn vị
TK 131- Dương Hoàng	10.000.000	Dư Có, công ty Dương Hoàng ứng trước tiền mua hàng
TK 331 – Anh Thơ	200.000.000	Dư Có, tiền hàng còn nợ công ty Anh Thơ
<i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i>		

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/2023 sau:

1.a.1. Ngày 2, Chuyển khoản tiền thanh toán cho công ty Anh Thơ sau khi trừ chiết khấu thanh toán 1% trên tổng số tiền còn nợ.

1.a.2. Ngày 4, xuất kho 300 đơn vị hàng hóa A bán cho công ty Dương Hoàng với đơn giá bán chưa thuế 640.000 đồng/đơn vị, thuế GTGT 10% chưa thu tiền.

1.a.3. Ngày 6, thu được tiền hàng còn lại của công ty Anh Thơ bằng chuyển khoản.

1.a.4. Ngày 9, thanh lý một thiết bị quản lý có nguyên giá 180.000.000 đồng, hao mòn lũy kế 150.000.000 đồng cho khách hàng Bảo Phúc; tổng giá thanh lý 55.000.000 đồng, trong đó bao gồm thuế GTGT 10% chưa thu tiền. Ngoài ra, công ty đã chi 2.000.000 tiền mặt để tân trang thiết bị trước khi đi thanh lý.

1.a.5. Ngày 10, trích lập quỹ đầu tư phát triển 500.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

1.a.6. Ngày 30, kế toán tính lương phải trả cho các bộ phận như sau:

- Nhân viên bán hàng: 46.000.000 đồng
- Bộ phận quản lý doanh nghiệp: 154.000.000 đồng

Kế toán tiến hành trích các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) theo qui định hiện hành.

1.a.7. Ngày 31, kế toán lập ủy nhiệm chi với nội dung chuyển khoản trả lương tháng này cho người lao động, đã nhận được giấy báo Nợ từ ngân hàng.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
II. Tự luận		6.0	
1.a.1	Nợ TK 331-DH 200.000.000 Có TK 1121 198.000.000 Có TK 515 2.000.000	0.5	
1.a.2	Nợ TK 632 120.000.000 Có TK 156 120.000.000 Nợ TK 131-AT 211.200.000 Có TK 5111 192.000.000 Có TK 33311 19.200.000	0.5 0.5	
1.a.3	Nợ TK 112 201.200.000 Có TK 131-AT 201.200.000	0.5	
1.a.4.	Nợ TK 811 150.000.000 Nợ TK 2141 30.000.000 Có TK 211 180.000.000 Nợ TK 131-BP 55.000.000 Có TK 711 50.000.000 Có TK 3331 5.000.000 Nợ TK 811 2.000.000 Có TK 111 2.000.000	0.5 0.5 0.5	
1.a.5	Nợ TK 4211 500.000.000 Có TK 414 500.000.000	0.5	

1.a.6	Nợ TK6411	46.000.000	0.5	
	Nợ TK 6421	154.000.000		
	Có TK 334	200.00.000		
	Nợ TK6411	10.810.000	0.5	
	Nợ TK 6421	36.190.000		
	Có TK 338	47.00.000		
	Nợ TK 334	21.000.000	0.5	
Có TK 338	21.000.000			
1.a.7	Nợ TK 334	179.000.000	0.5	
	Có TK 112	179.000.000		
	Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 Tháng 07 năm 2024
Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng